

Số 32/TB-PBC

Quận 12, ngày 11 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện trả tiền com còn thừa đến tháng 5
Năm học 2024-2025

Kính gửi: Cha mẹ học sinh có con em đã theo học các lớp bán trú khối 6.7
Căn cứ bảng điểm danh học sinh không ăn com đến thời điểm 31/05/2025 năm
học 2024-2025;

Trường THCS Phan Bội Châu thông báo đến CMHS thời gian chi trả tiền com
còn thừa cụ thể như sau:

Từ ngày 17/06/2025 đến 20/06/2025.

Thời gian: từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 00 từ thứ ba đến thứ sáu.

Hình thức nhận tiền: Nhận tiền mặt

Nơi nhận: Bộ phận thủ quỹ (cô Huỳnh Thị Thanh Hạnh) của Trường THCS
Phan Bội Châu.

Đề nghị quý phụ huynh vui lòng đến nhận tiền com còn thừa theo đúng thời
gian đã thông báo.

Sau thời gian trên nhà trường sẽ thực hiện nộp toàn bộ tiền com còn thừa về
ngân sách nhà nước.

Trên đây là thông báo thực hiện trả tiền com còn thừa đến tháng 5 năm học
2024 – 2025 của Trường THCS Phan Bội Châu. Thông báo này được đăng trên cổng
thông tin của trường, quý phụ huynh học sinh có thể truy cập vào địa chỉ
<https://thcsphanboichauq12.hcm.edu.vn> để xem, nhà trường rất mong sự phối hợp của
Phụ huynh học sinh ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PHHS;
- Lưu: VT.



DANH SÁCH HOÀN TRẢ SUẤT ẶN BÀN TRỮ THÁNG 05_NĂM HỌC 2024-2025

Danh sách đính kèm Thông báo số 232/TB-PBC ngày 11/06/2025 về việc thực hiện trả tiền com còn thừa đến tháng 05 năm học 2024-2025

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất com không ăn	Đơn giá/suất com	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Khánh An	6A1	3	35.000	105.000						
2	Nguyễn Hải Anh	6A1	3	35.000	105.000						
3	Lê Huệ Anh	6A1	3	35.000	105.000						
4	Đoàn Lê Kim Anh	6A1	3	35.000	105.000						
5	Nguyễn Phương Lan Anh	6A1	3	35.000	105.000						
6	Vũ Trần Thiên Ân	6A1	3	35.000	105.000						
7	Ngô Gia Bảo	6A1	3	35.000	105.000						
8	Nguyễn Gia Bảo	6A1	3	35.000	105.000						
9	Võ Thiên Bảo	6A1	3	35.000	105.000						
10	Ngô Trần Bảo Châu	6A1	3	35.000	105.000						
11	Vương Thùy Dung	6A1	3	35.000	105.000						
12	Nguyễn Lê Minh Đạt	6A1	3	35.000	105.000						
13	Hoàng Minh Đức	6A1	3	35.000	105.000						
14	Kim Ngọc Thiên Đức	6A1	3	35.000	105.000						
15	Trần Hữu Hải	6A1	3	35.000	105.000						
16	Đinh Gia Hân	6A1	3	35.000	105.000						
17	Đinh Nguyễn Ngọc Hân	6A1	3	35.000	105.000						
18	Lê Thu Hiền	6A1	3	35.000	105.000						
19	Nguyễn Ngọc Thanh Hòa	6A1	4	35.000	140.000						
20	Đỗ Quang Khải	6A1	3	35.000	105.000						
21	Lê Minh Khang	6A1	3	35.000	105.000						
22	Đinh Trọng Khang	6A1	3	35.000	105.000						
23	Lưu Văn Khánh	6A1	3	35.000	105.000						
24	Võ Thanh Khoa	6A1	3	35.000	105.000						
25	Đồng Lê Việt Khôi	6A1	4	35.000	140.000						
26	Lê Ngọc Gia Linh	6A1	3	35.000	105.000						
27	Hà Bảo Long	6A1	3	35.000	105.000						
28	Võ Tuấn Lộc	6A1	3	35.000	105.000						



STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
29	Huyền Lê Nhật Minh	6A1	3	35.000	105.000						
30	Lê Bảo Nam	6A1	3	35.000	105.000						
31	Trương Hoàng Nam	6A1	3	35.000	105.000						
32	Nguyễn Thị Ngân Ngân	6A1	4	35.000	140.000						
33	Đào Thị Uyên Nhi	6A1	3	35.000	105.000						
34	Trần Quỳnh Nhiên	6A1	3	35.000	105.000						
35	Nguyễn Minh Phát	6A1	3	35.000	105.000						
36	Lê Quốc Phong	6A1	3	35.000	105.000						
37	Nguyễn Gia Phúc	6A1	3	35.000	105.000						
38	Ngô Ngọc Phương	6A1	3	35.000	105.000						
39	Nguyễn Lê Minh Quân	6A1	3	35.000	105.000						
40	Đặng Ngọc Khánh Quỳnh	6A1	3	35.000	105.000						
41	Nguyễn Đức Nam Sơn	6A1	3	35.000	105.000						
42	Nguyễn Ngọc Bích Thư	6A1	3	35.000	105.000						
43	Lê Nguyễn Hoài Thương	6A1	3	35.000	105.000						
44	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	6A1	3	35.000	105.000						
45	Lê Quốc Tuấn	6A1	3	35.000	105.000						
46	Nguyễn Thị Lâm Tuyền	6A1	3	35.000	105.000						
47	Trần Mai Như Ý	6A1	3	35.000	105.000						
48	Trần Bảo An	6A2	3	35.000	105.000						
49	PHẠM HỮU KHÔI ANH	6A2	3	35.000	105.000						
50	Nguyễn Lê Phương Anh	6A2	3	35.000	105.000						
51	NGUYỄN QUỐC ANH	6A2	4	35.000	140.000						
52	Nguyễn Minh Thiên Ân	6A2	3	35.000	105.000						
53	Đoàn Gia Bảo	6A2	3	35.000	105.000						
54	Nguyễn Phước Gia Bảo	6A2	3	35.000	105.000						
55	Nguyễn Thái Bình	6A2	3	35.000	105.000						
56	Tô Hà Minh Châu	6A2	3	35.000	105.000						
57	Nguyễn Hoàng Tiệp Giao	6A2	3	35.000	105.000						
58	Đinh Mỹ Hạnh	6A2	3	35.000	105.000						
59	Phan Đoàn Gia Hân	6A2	3	35.000	105.000						
60	Nguyễn Trương Ngọc Hân	6A2	3	35.000	105.000						
61	Trần Thị Như Hiền	6A2	4	35.000	140.000						
62	Nguyễn Quang Huy	6A2	5	35.000	175.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
63	Nguyễn Đình Khang	6A2	3	35.000	105.000						
64	Phan Hữu Khang	6A2	3	35.000	105.000						
65	Nguyễn Đan Khanh	6A2	3	35.000	105.000						
66	Trình Ngọc Duy Khanh	6A2	3	35.000	105.000						
67	Phan Đức Anh Khôi	6A2	3	35.000	105.000						
68	Hoàng Lê Duy Khôi	6A2	3	35.000	105.000						
69	TRẦN DUY LÂM	6A2	3	35.000	105.000						
70	Phan Hoàng Bảo Long	6A2	3	35.000	105.000						
71	Nguyễn Văn Lộc	6A2	3	35.000	105.000						
72	Nguyễn Thiết Luân	6A2	3	35.000	105.000						
73	Đoàn Hồng Hà My	6A2	3	35.000	105.000						
74	NGUYỄN HẢI NAM	6A2	3	35.000	105.000						
75	Trần Bảo Ngọc	6A2	3	35.000	105.000						
76	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	6A2	3	35.000	105.000						
77	Đào Huỳnh Bảo Nhi	6A2	3	35.000	105.000						
78	Nguyễn Tôn Hào Nhiên	6A2	3	35.000	105.000						
79	Lưu Minh Phong	6A2	3	35.000	105.000						
80	Nguyễn Trần Bà Phú	6A2	3	35.000	105.000						
81	Quảng Trọng Phúc	6A2	3	35.000	105.000						
82	HÀ THU PHƯƠNG	6A2	3	35.000	105.000						
83	Thái Nguyễn Anh Quân	6A2	3	35.000	105.000						
84	Lê Đỗ Như Quỳnh	6A2	3	35.000	105.000						
85	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG THẢO	6A2	3	35.000	105.000						
86	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	6A2	3	35.000	105.000						
87	Huỳnh Khánh Thy	6A2	3	35.000	105.000						
88	Nguyễn Ngọc Bảo Tiên	6A2	3	35.000	105.000						
89	Lâm Gia Tuệ	6A2	3	35.000	105.000						
90	Vũ Nguyễn Bạch Tuyết	6A2	3	35.000	105.000						
91	Nguyễn Hồ Phương Uyên	6A2	4	35.000	140.000						
92	Phạm Ngọc Thanh Vy	6A2	3	35.000	105.000						
93	Nguyễn Phạm Thiên Vy	6A2	4	35.000	140.000						
94	Trình Như Ý	6A2	3	35.000	105.000						
95	Nguyễn Tuệ An	6A3	3	35.000	105.000						
96	Vũ Đình Anh	6A3	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
97	Phù Minh Anh	6A3	3	35.000	105.000						
98	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	6A3	3	35.000	105.000						
99	Nguyễn Gia Bảo	6A3	5	35.000	175.000						
100	Nguyễn Gia Bảo	6A3	3	35.000	105.000						
101	Trương Gia Bảo	6A3	3	35.000	105.000						
102	Võ Thanh Bình	6A3	3	35.000	105.000						
103	Lê Hồng Diệp	6A3	4	35.000	140.000						
104	Đỗ Trần Mỹ Duyên	6A3	3	35.000	105.000						
105	Trần Ngọc Linh Doan	6A3	3	35.000	105.000						
106	Nguyễn Việt Mỹ Hà	6A3	4	35.000	140.000						
107	Võ Trần Bạch Hào	6A3	3	35.000	105.000						
108	Lê Gia Hân	6A3	3	35.000	105.000						
109	Nguyễn Trần Gia Hân	6A3	3	35.000	105.000						
110	Nguyễn Minh Hiền	6A3	3	35.000	105.000						
111	Võ Gia Huy	6A3	3	35.000	105.000						
112	Lê Huy Khang	6A3	3	35.000	105.000						
113	Trần Nguyễn Khang	6A3	3	35.000	105.000						
114	Trương Gia Khánh	6A3	4	35.000	140.000						
115	Nguyễn Bảo Anh Khoa	6A3	3	35.000	105.000						
116	Trần Anh Khôi	6A3	3	35.000	105.000						
117	Nguyễn Minh Khôi	6A3	3	35.000	105.000						
118	Mai Hồ Ngọc Linh	6A3	3	35.000	105.000						
119	Lê Bảo Long	6A3	3	35.000	105.000						
120	Khâu Nguyễn Bảo Long	6A3	3	35.000	105.000						
121	Nguyễn Mỹ Thảo Ly	6A3	3	35.000	105.000						
122	Đình Phương Nam	6A3	8	35.000	280.000						
123	Phan Nguyễn Kim Ngân	6A3	3	35.000	105.000						
124	Trần Thanh Kim Ngọc	6A3	3	35.000	105.000						
125	Trương Phan Uyên Nhi	6A3	4	35.000	140.000						
126	Trà Minh Phát	6A3	3	35.000	105.000						
127	Nguyễn Mạnh Phong	6A3	3	35.000	105.000						
128	Trần Đức Phúc	6A3	3	35.000	105.000						
129	Nguyễn Hữu Hoàng Phúc	6A3	3	35.000	105.000						
130	Trần Thị Nam Phương	6A3	4	35.000	140.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
131	Võ Ngọc Quý	6A3	3	35.000	105.000						
132	Trần Thị Diễm Quỳnh	6A3	3	35.000	105.000						
133	Võ Ngọc Thảo	6A3	3	35.000	105.000						
134	Nguyễn Minh Thư	6A3	3	35.000	105.000						
135	Nguyễn Thanh Toàn	6A3	3	35.000	105.000						
136	Nguyễn Bảo Trang	6A3	3	35.000	105.000						
137	Trần Huy Tung	6A3	3	35.000	105.000						
138	Nguyễn Hoàng Gia Tường	6A3	3	35.000	105.000						
139	Lã Quốc Kiên Văn	6A3	4	35.000	140.000						
140	Phạm Cao Minh Xuân	6A3	3	35.000	105.000						
141	Đinh Mỹ Yên	6A3	3	35.000	105.000						
142	Thái Sơn An	6A4	3	35.000	105.000						
143	Trần Trí An	6A4	3	35.000	105.000						
144	Ngô Hoàng Bảo Anh	6A4	3	35.000	105.000						
145	Hoàng Thị Quỳnh Anh	6A4	3	35.000	105.000						
146	Huỳnh Hồng Ân	6A4	3	35.000	105.000						
147	Đào Chí Bảo	6A4	3	35.000	105.000						
148	Trần Kim Bảo	6A4	3	35.000	105.000						
149	Nguyễn Trương Quốc Bảo	6A4	3	35.000	105.000						
150	Vũ Trần Nguyễn Cát	6A4	3	35.000	105.000						
151	Nguyễn Phúc Yên Du	6A4	3	35.000	105.000						
152	Nguyễn Quốc Đại Dương	6A4	3	35.000	105.000						
153	Trần Huỳnh Minh Đức	6A4	3	35.000	105.000						
154	Nguyễn Hồng Minh Hà	6A4	3	35.000	105.000						
155	Nguyễn Trung Hậu	6A4	3	35.000	105.000						
156	Nguyễn Trung Hiếu	6A4	3	35.000	105.000						
157	Ngô Tuấn Hưng	6A4	3	35.000	105.000						
158	Nguyễn Phúc Khang	6A4	3	35.000	105.000						
159	Nguyễn Gia Khanh	6A4	3	35.000	105.000						
160	Trương Bảo Khoa	6A4	3	35.000	105.000						
161	Võ Anh Khôi	6A4	3	35.000	105.000						
162	Cao Ngọc Quỳnh Lam	6A4	3	35.000	105.000						
163	Nguyễn Đăng Gia Linh	6A4	3	35.000	105.000						
164	Trần Bảo Gia Long	6A4	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
165	Nguyễn Ngọc Minh Long	6A4	3	35.000	105.000						
166	Lê Bảo Minh	6A4	3	35.000	105.000						
167	Nguyễn Thành Nam	6A4	3	35.000	105.000						
168	Lê Ngọc Kim Ngân	6A4	4	35.000	140.000						
169	Nguyễn Trung Nhân	6A4	3	35.000	105.000						
170	Nguyễn Ngọc An Nhiên	6A4	3	35.000	105.000						
171	Nguyễn Minh Phát	6A4	3	35.000	105.000						
172	Phạm Thanh Phong	6A4	3	35.000	105.000						
173	Nguy Đình Minh Phúc	6A4	3	35.000	105.000						
174	Ngô Hứa Anh Phương	6A4	3	35.000	105.000						
175	Nguyễn Đức Quân	6A4	3	35.000	105.000						
176	Mai Hoàng Quyền	6A4	3	35.000	105.000						
177	Nguyễn Bảo Song	6A4	3	35.000	105.000						
178	Đoàn Kim Thư	6A4	3	35.000	105.000						
179	Lê Việt Tôn	6A4	3	35.000	105.000						
180	Lê Nhã Trúc	6A4	3	35.000	105.000						
181	Đỗ Thùy Nhã Trúc	6A4	3	35.000	105.000						
182	Trần Thanh Tuyền	6A4	3	35.000	105.000						
183	Nguyễn Vinh Tường	6A4	3	35.000	105.000						
184	Phạm Ngọc Như Ý	6A4	3	35.000	105.000						
185	Lê Huỳnh Hải Yên	6A4	3	35.000	105.000						
186	Nguyễn Phạm Hải An	6A5	3	35.000	105.000						
187	Nguyễn Hoàng Hoài Anh	6A5	3	35.000	105.000						
188	Cao Huỳnh Anh	6A5	3	35.000	105.000						
189	Vũ Tuấn Anh	6A5	3	35.000	105.000						
190	Trần Gia Bảo	6A5	3	35.000	105.000						
191	Đình Hoàng Gia Bảo	6A5	3	35.000	105.000						
192	Nguyễn Lê Gia Bảo	6A5	3	35.000	105.000						
193	Nguyễn Văn Gia Bảo	6A5	3	35.000	105.000						
194	Nguyễn Thành Công	6A5	4	35.000	140.000						
195	TRẦN NGUYỄN KHÁ DOANH	6A5	3	35.000	105.000						
196	Biện Hữu Dũng	6A5	3	35.000	105.000						
197	Trình Ngô Khương Duy	6A5	4	35.000	140.000						
198	Đoàn Ánh Dương	6A5	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
199	Đỗ Quang Đại	6A5	3	35.000	105.000						
200	Mai Huỳnh Hương Giang	6A5	3	35.000	105.000						
201	Lê Gia Hân	6A5	3	35.000	105.000						
202	Trần Hoàng Ngọc Hân	6A5	3	35.000	105.000						
203	Lê Thị Ngọc Hân	6A5	3	35.000	105.000						
204	Bùi Việt Hoàng	6A5	3	35.000	105.000						
205	Lý Gia Huy	6A5	3	35.000	105.000						
206	Nguyễn Minh Khang	6A5	3	35.000	105.000						
207	Hồ Hoàng Thiên Kim	6A5	3	35.000	105.000						
208	PHAN TỰỆ LÂM	6A5	4	35.000	140.000						
209	Triều Yên Linh	6A5	3	35.000	105.000						
210	Trần Hoàng Long	6A5	3	35.000	105.000						
211	Huỳnh Tân Lộc	6A5	3	35.000	105.000						
212	Nguyễn Văn Bảo Minh	6A5	3	35.000	105.000						
213	Đình Kiều Diễm My	6A5	3	35.000	105.000						
214	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	6A5	3	35.000	105.000						
215	Huỳnh Minh Nghĩa	6A5	3	35.000	105.000						
216	HUYỀN GIA NGOC	6A5	3	35.000	105.000						
217	Trần Lê Bảo Ngọc	6A5	3	35.000	105.000						
218	Nguyễn Lý Bảo Ngọc	6A5	3	35.000	105.000						
219	Đặng Nguyễn Kim Ngọc	6A5	3	35.000	105.000						
220	Vân Thủy Phước Nhân	6A5	4	35.000	140.000						
221	Phượng Hoàng Minh Phát	6A5	3	35.000	105.000						
222	Hồ Hồng Phú	6A5	3	35.000	105.000						
223	Lê Tân Sang	6A5	3	35.000	105.000						
224	Trình Hữu Tài	6A5	3	35.000	105.000						
225	Nguyễn Ngọc Hiếu Thuận	6A5	3	35.000	105.000						
226	Huỳnh Châu Minh Thư	6A5	3	35.000	105.000						
227	Vương Thanh Toàn	6A5	3	35.000	105.000						
228	Phạm Vũ Triều	6A5	3	35.000	105.000						
229	Phạm Lê Khả Tuệ	6A5	3	35.000	105.000						
230	Nguyễn Thị Nhã Uyên	6A5	3	35.000	105.000						
231	Hoàng Việt	6A5	3	35.000	105.000						
232	Phạm Công Vinh	6A5	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
233	Đặng Thế Vinh	6A5	4	35.000	140.000						
234	Nguyễn Thị Bảo Vy	6A5	3	35.000	105.000						
235	Đình Cao Kim Anh	6A6	4	35.000	140.000						
236	Nguyễn Hà Anh	6A6	3	35.000	105.000						
237	Nguyễn Ngọc Anh	6A6	3	35.000	105.000						
238	Nguyễn Ngọc Ánh	6A6	3	35.000	105.000						
239	Trần Chi Bảo	6A6	3	35.000	105.000						
240	Nguyễn Gia Bảo	6A6	3	35.000	105.000						
241	TRẦN NGUYỄN BẢO	6A6	6	35.000	210.000						
242	Trần Quang Bình	6A6	3	35.000	105.000						
243	Đình Trần Bảo Châu	6A6	3	35.000	105.000						
244	Nguyễn Hữu Duy	6A6	3	35.000	105.000						
245	Phạm Ngọc Duy	6A6	3	35.000	105.000						
246	Nhiệm Xuân Duy	6A6	3	35.000	105.000						
247	Hứa Thành Đạt	6A6	4	35.000	140.000						
248	Trần Ngọc Hạnh	6A6	4	35.000	140.000						
249	PHẠM HOÀNG GIA HÂN	6A6	3	35.000	105.000						
250	Nguyễn Quang Huy	6A6	4	35.000	140.000						
251	Nguyễn Đăng Khoa	6A6	3	35.000	105.000						
252	Bùi Tuấn Kiệt	6A6	3	35.000	105.000						
253	Lý Thiên Kim	6A6	3	35.000	105.000						
254	Phan Nhã Kỳ	6A6	5	35.000	175.000						
255	Nguyễn Khánh Linh	6A6	3	35.000	105.000						
256	Lê Nguyễn Gia Linh	6A6	3	35.000	105.000						
257	Lê Vũ Gia Linh	6A6	3	35.000	105.000						
258	Phan Huỳnh Hoàng Long	6A6	3	35.000	105.000						
259	Nguyễn Đức Minh	6A6	3	35.000	105.000						
260	Võ Ngọc Trúc Mỹ	6A6	3	35.000	105.000						
261	Vũ Đình Nhật Năm	6A6	3	35.000	105.000						
262	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	6A6	3	35.000	105.000						
263	Nguyễn Ngọc Thiên Ngân	6A6	3	35.000	105.000						
264	Nguyễn Hoàn Phương Nghi	6A6	3	35.000	105.000						
265	Huyền Bảo Ngọc	6A6	3	35.000	105.000						
266	Lương Bảo Ngọc	6A6	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
267	Phan Thành Ngọc	6A6	3	35.000	105.000						
268	Phạm Bá Đức Nguyễn	6A6	3	35.000	105.000						
269	Trương Tấn Phát	6A6	4	35.000	140.000						
270	Trần Hoàng Phú	6A6	3	35.000	105.000						
271	NGÔ QUANG QUYẾT	6A6	3	35.000	105.000						
272	Lê Hồng Sơn	6A6	3	35.000	105.000						
273	Đình Minh Thiện	6A6	3	35.000	105.000						
274	Võ Minh Thư	6A6	3	35.000	105.000						
275	Tổng Vương Tiến	6A6	3	35.000	105.000						
276	Đoàn Thế Trí	6A6	3	35.000	105.000						
277	Lê Quốc Tuấn	6A6	3	35.000	105.000						
278	Lê Ngọc Bảo Uyên	6A6	3	35.000	105.000						
279	Bùi Tú Uyên	6A6	3	35.000	105.000						
280	Đông Khang Vinh	6A6	3	35.000	105.000						
281	Phạm Ngọc Như Ý	6A6	5	35.000	175.000						
282	Huyh Cẩm Sơn	6A6	3	35.000	105.000						
283	Quang từ Gia Bảo	6A6	3	35.000	105.000						
284	Nguyễn Huỳnh Nhật Anh	7A1	3	35.000	105.000						
285	Phạm Quỳnh Anh	7A1	3	35.000	105.000						
286	Lê Tuấn Anh	7A1	3	35.000	105.000						
287	Nguyễn Gia Bảo	7A1	3	35.000	105.000						
288	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	7A1	6	35.000	210.000						
289	Nguyễn Trần Thiên Bảo	7A1	4	35.000	140.000						
290	Hồ Ngọc Minh Châu	7A1	3	35.000	105.000						
291	Đỗ Trường Hải	7A1	3	35.000	105.000						
292	Trương Minh Hào	7A1	3	35.000	105.000						
293	Nguyễn Gia Hân	7A1	3	35.000	105.000						
294	Mai Hoàng Minh Hiếu	7A1	3	35.000	105.000						
295	Phạm Gia Hưng	7A1	3	35.000	105.000						
296	Nguyễn Vũ Nguyễn Khang	7A1	3	35.000	105.000						
297	Đỗ Hoàng Bảo Khanh	7A1	4	35.000	140.000						
298	NGUYỄN LÊ KHIẾT	7A1	3	35.000	105.000						
299	Hà Minh Phương Linh	7A1	3	35.000	105.000						
300	Nguyễn Phạm Trúc Linh	7A1	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
301	Huyền Đức Lạc	7A1	3	35.000	105.000						
302	Bùi Kim Ly	7A1	3	35.000	105.000						
303	Dương Nguyễn Thanh Mai	7A1	3	35.000	105.000						
304	Đặng Gia Minh	7A1	3	35.000	105.000						
305	Nguyễn Huỳnh Gia Minh	7A1	3	35.000	105.000						
306	Lâm Bảo Ngọc	7A1	3	35.000	105.000						
307	TRẦN DUNG NHI	7A1	3	35.000	105.000						
308	Mai Ngọc Quỳnh Nhi	7A1	3	35.000	105.000						
309	Trương Hoàng Uyên Như	7A1	3	35.000	105.000						
310	Đinh Ngọc Quỳnh Như	7A1	3	35.000	105.000						
311	Đỗ Quỳnh Như	7A1	3	35.000	105.000						
312	Lê Tân Phúc	7A1	3	35.000	105.000						
313	Lê Văn Quỳnh	7A1	3	35.000	105.000						
314	Nguyễn Trung Hương Sa	7A1	3	35.000	105.000						
315	Nguyễn Phạm Phương Thảo	7A1	3	35.000	105.000						
316	Đào Khánh Thy	7A1	3	35.000	105.000						
317	Phan Ngọc Trâm	7A1	3	35.000	105.000						
318	Nguyễn Đào Thanh Trúc	7A1	3	35.000	105.000						
319	Nguyễn Đăng Thái Tuấn	7A1	3	35.000	105.000						
320	Vũ Thị Thu Uyên	7A1	3	35.000	105.000						
321	Nguyễn Hoài Vân	7A1	3	35.000	105.000						
322	Hà Nhật Phương Vy	7A1	3	35.000	105.000						
323	Nguyễn Bình An	7A2	4	35.000	140.000						
324	Nguyễn Phương Bình An	7A2	3	35.000	105.000						
325	Vũ Nam Anh	7A2	3	35.000	105.000						
326	Nguyễn Phúc Vân Anh	7A2	3	35.000	105.000						
327	Nguyễn Trần Gia Bảo	7A2	3	35.000	105.000						
328	Nguyễn Thanh Bình	7A2	3	35.000	105.000						
329	Trang Minh Châu	7A2	3	35.000	105.000						
330	Đoàn Ngọc Vinh Giang	7A2	3	35.000	105.000						
331	Dương Ngọc Bảo Hân	7A2	3	35.000	105.000						
332	Trần Ngọc Hân	7A2	3	35.000	105.000						
333	Phạm Minh Hiền	7A2	3	35.000	105.000						
334	ĐỖ NGUYỄN THANH TH	7A2	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
335	Trình Minh Hùng	7A2	3	35.000	105.000						
336	Nguyễn Duy Khang	7A2	3	35.000	105.000						
337	Phạm Hoàng Nhật Khang	7A2	3	35.000	105.000						
338	Nguyễn Tuấn Khang	7A2	3	35.000	105.000						
339	Trương Nguyễn Kiều Khanh	7A2	3	35.000	105.000						
340	Trần Kỳ Khuê	7A2	3	35.000	105.000						
341	Nguyễn Đình Linh	7A2	3	35.000	105.000						
342	Phạm Lê Phương Linh	7A2	3	35.000	105.000						
343	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	7A2	3	35.000	105.000						
344	Hoàng Hà Mi	7A2	3	35.000	105.000						
345	Nguyễn Hoàng Ngọc Mỹ	7A2	3	35.000	105.000						
346	Nguyễn Hải Nam	7A2	3	35.000	105.000						
347	Huyền Ngọc Thanh Ngân	7A2	3	35.000	105.000						
348	Nguyễn Bảo Ngọc	7A2	3	35.000	105.000						
349	Nguyễn Ngọc Song Nhi	7A2	3	35.000	105.000						
350	Võ Trần Yến Nhi	7A2	3	35.000	105.000						
351	Nguyễn Ngọc Song Như	7A2	3	35.000	105.000						
352	Hồ Trúc Phương	7A2	3	35.000	105.000						
353	Nguyễn Ngọc Quỳnh	7A2	3	35.000	105.000						
354	Đỗ Nguyễn Nhật Thái	7A2	3	35.000	105.000						
355	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7A2	3	35.000	105.000						
356	Trần Chí Thiên	7A2	3	35.000	105.000						
357	Nguyễn Tân Thiện	7A2	3	35.000	105.000						
358	Nguyễn Lê Minh Thư	7A2	3	35.000	105.000						
359	Lưu Thiên Vân	7A2	3	35.000	105.000						
360	Đào Thu Vân	7A2	3	35.000	105.000						
361	Đình Vũ Tương Vĩ	7A2	3	35.000	105.000						
362	Nguyễn Đỗ Kiều Vy	7A2	3	35.000	105.000						
363	Trần Thục An	7A3	3	35.000	105.000						
364	Nguyễn Hồng Anh	7A3	3	35.000	105.000						
365	Vũ Quỳnh Anh	7A3	4	35.000	140.000						
366	Lê Vũ Tâm Anh	7A3	3	35.000	105.000						
367	Nguyễn Đình Bảo	7A3	3	35.000	105.000						
368	Bùi Hoàng Minh Châu	7A3	3	35.000	105.000						



STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
369	Nguyễn Quỳnh Diệp Chi	7A3	3	35.000	105.000						
370	Huyhng Mỹ Doanh	7A3	3	35.000	105.000						
371	Đoàn Nguyễn Ngân Giang	7A3	3	35.000	105.000						
372	Phạm Nguyễn Quỳnh Giang	7A3	3	35.000	105.000						
373	Trương Thanh Hằng	7A3	3	35.000	105.000						
374	Nguyễn Gia Huy	7A3	3	35.000	105.000						
375	Nguyễn Khánh Hưng	7A3	5	35.000	175.000						
376	Huyhng Thi Ngọc Hương	7A3	3	35.000	105.000						
377	Lê Khánh Trọng Khang	7A3	3	35.000	105.000						
378	Lữ Minh Khang	7A3	3	35.000	105.000						
379	Lê Tuấn Kiệt	7A3	3	35.000	105.000						
380	Trần Quỳnh Lam	7A3	3	35.000	105.000						
381	Nguyễn Mai Bảo Lâm	7A3	3	35.000	105.000						
382	Phạm Bảo Long	7A3	3	35.000	105.000						
383	Ngô Hoàng Long	7A3	3	35.000	105.000						
384	Trần Kim Long	7A3	3	35.000	105.000						
385	Vô Tấn Lộc	7A3	3	35.000	105.000						
386	Trần Quang Minh	7A3	3	35.000	105.000						
387	Trần Thanh Ngọc	7A3	3	35.000	105.000						
388	Phạm Ngọc An Nhiên	7A3	4	35.000	140.000						
389	Phạm An Như	7A3	3	35.000	105.000						
390	Nguyễn Phạm Minh Như	7A3	3	35.000	105.000						
391	Trần Tấn Phát	7A3	3	35.000	105.000						
392	Phạm Nguyễn Bảo Quỳnh	7A3	3	35.000	105.000						
393	Hoàng Như Quỳnh	7A3	3	35.000	105.000						
394	Nguyễn Tấn Thành	7A3	4	35.000	140.000						
395	Vũ Trần Thịnh	7A3	3	35.000	105.000						
396	Nguyễn Minh Trí	7A3	4	35.000	140.000						
397	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	7A3	3	35.000	105.000						
398	Hồ Văn Đức Tuấn	7A3	3	35.000	105.000						
399	Huyhng Phúc Bảo Uyên	7A3	4	35.000	140.000						
400	Hồ Trọng Hoàng Vương	7A3	4	35.000	140.000						
401	Lâm Huỳnh Tường Vy	7A3	3	35.000	105.000						
402	Cao Nguyễn Hồng Anh	7A6	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
403	Nguyễn Quỳnh Anh	7A6	4	35.000	140.000						
404	Trần Thị Hà Anh	7A6	3	35.000	105.000						
405	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	7A6	3	35.000	105.000						
406	Nguyễn Ngọc Minh Châu	7A6	3	35.000	105.000						
407	NGUYỄN XUÂN CHIẾN	7A6	3	35.000	105.000						
408	Nguyễn Thanh Đạt	7A6	3	35.000	105.000						
409	LÊ CAO THIÊN GIA	7A6	3	35.000	105.000						
410	Phạm Quỳnh Nhật Hà	7A6	15	35.000	525.000						
411	Hồ Gia Hân	7A6	3	35.000	105.000						
412	Lê Mỹ Hiền	7A6	4	35.000	140.000						
413	Hồ Phước Hiếu	7A6	3	35.000	105.000						
414	Lê Bá Hoàng	7A6	3	35.000	105.000						
415	Bồ Nguyễn Khang	7A6	3	35.000	105.000						
416	HỒ VĨNH KHANG	7A6	3	35.000	105.000						
417	Phạm Nguyễn Khánh	7A6	6	35.000	210.000						
418	Nguyễn Lâm Đăng Khôi	7A6	3	35.000	105.000						
419	NGUYỄN HOÀNG LILY	7A6	3	35.000	105.000						
420	Huyền Hoàng Long	7A6	3	35.000	105.000						
421	Bồ Nhật Long	7A6	3	35.000	105.000						
422	NGUYỄN LÊ TRIẾT MINH	7A6	4	35.000	140.000						
423	Nguyễn Vũ Khanh Minh	7A6	3	35.000	105.000						
424	Trần Vũ Hoàng Mỹ	7A6	3	35.000	105.000						
425	Vũ Kim Ngân	7A6	3	35.000	105.000						
426	Nguyễn Lê Thanh Ngân	7A6	3	35.000	105.000						
427	Đinh Hoàng Bảo Ngọc	7A6	3	35.000	105.000						
428	Đông Nguyễn Khánh Ngọc	7A6	3	35.000	105.000						
429	Trương Bình Phương Như	7A6	3	35.000	105.000						
430	THAI HUỶNH KHÁNH N	7A6	3	35.000	105.000						
431	Nguyễn Minh Nhật	7A6	3	35.000	105.000						
432	Nguyễn Phúc Tiến Phát	7A6	4	35.000	140.000						
433	Phạm Hải Phong	7A6	5	35.000	175.000						
434	Nguyễn Đăng Quang	7A6	3	35.000	105.000						
435	Nguyễn Tân Sang	7A6	3	35.000	105.000						
436	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	7A6	3	35.000	105.000						

QUẢN LÝ HỌC BỘI

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
437	Đoàn Bảo Thạch	7A6	3	35.000	105.000						
438	Nguyễn Quốc Thịnh	7A6	3	35.000	105.000						
439	TRẦN NGỌC PHƯƠNG T	7A6	3	35.000	105.000						
440	Phạm Chế Anh Thư	7A6	3	35.000	105.000						
441	Lê Minh Trung	7A6	3	35.000	105.000						
442	Phạm Hữu Trường	7A6	3	35.000	105.000						
443	Phạm Khắc Việt	7A6	3	35.000	105.000						
444	Lâm Phạm Yên Vy	7A6	3	35.000	105.000						
445	Hà Tương Vy	7A6	3	35.000	105.000						
446	Trần Ngọc Châu Anh	7A7	3	35.000	105.000						
447	NGUYỄN TRÚC VY BÀNG	7A7	3	35.000	105.000						
448	Trần Bảo Châu	7A7	3	35.000	105.000						
449	NGUYỄN HÙNG DŨNG	7A7	3	35.000	105.000						
450	Nguyễn Phạm Thùy Dương	7A7	3	35.000	105.000						
451	Đào Thị Phương Đông	7A7	3	35.000	105.000						
452	Đỗ Nguyễn Gia Hào	7A7	3	35.000	105.000						
453	Cao Huỳnh Hưng	7A7	3	35.000	105.000						
454	Lê Nguyễn Gia Khang	7A7	3	35.000	105.000						
455	Nguyễn Khang	7A7	3	35.000	105.000						
456	Đặng Quốc Khánh	7A7	3	35.000	105.000						
457	Lê Ngọc Minh Kỳ	7A7	4	35.000	140.000						
458	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	7A7	3	35.000	105.000						
459	Lê Thảo Linh	7A7	4	35.000	140.000						
460	Phạm Hải Long	7A7	3	35.000	105.000						
461	Trần Phi Long	7A7	3	35.000	105.000						
462	PHAM QUANG LONG	7A7	4	35.000	140.000						
463	Nguyễn Tô Bảo Ngân	7A7	3	35.000	105.000						
464	Lưu Mẫn Nghi	7A7	3	35.000	105.000						
465	Nguyễn Lê Thảo Nguyễn	7A7	3	35.000	105.000						
466	Nguyễn Trung Nguyễn	7A7	3	35.000	105.000						
467	Nguyễn Quang Nhật	7A7	3	35.000	105.000						
468	Lê Hoàng Oanh	7A7	3	35.000	105.000						
469	Cao Quốc Phi	7A7	3	35.000	105.000						
470	Lương Thiên Phúc	7A7	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
471	TRẦN ANH QUÂN	7A7	3	35.000	105.000						
472	Nguyễn Đình Quân	7A7	3	35.000	105.000						
473	Trương Minh Quân	7A7	3	35.000	105.000						
474	Lê Nguyễn Như Quỳnh	7A7	3	35.000	105.000						
475	Lê Xuân Thái	7A7	3	35.000	105.000						
476	Đình Hữu Thành	7A7	3	35.000	105.000						
477	Nguyễn Nam Thắng	7A7	3	35.000	105.000						
478	Võ Phạm Xuân Thi	7A7	3	35.000	105.000						
479	Nguyễn Chí Thiện	7A7	3	35.000	105.000						
480	Phạm Minh Thuận	7A7	3	35.000	105.000						
481	Dương Anh Thư	7A7	3	35.000	105.000						
482	Lâm Ngọc Bảo Trang	7A7	4	35.000	140.000						
483	Trần Quang Trường	7A7	3	35.000	105.000						
484	Trần Trung Việt	7A7	3	35.000	105.000						
485	Lưu Đình Vinh	7A7	3	35.000	105.000						
486	Hồ Phong Vũ	7A7	3	35.000	105.000						
487	Nguyễn Ngọc Như Ý	7A7	3	35.000	105.000						
488	Bùi Cao Khánh An	7A8	3	35.000	105.000						
489	Nguyễn Đoàn Trần Anh	7A8	3	35.000	105.000						
490	Trần Ngọc Mai Anh	7A8	3	35.000	105.000						
491	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	7A8	3	35.000	105.000						
492	TRẦN GIA BẢO	7A8	3	35.000	105.000						
493	Hồ Bảo Hân	7A8	3	35.000	105.000						
494	Lê Trung Hiếu	7A8	3	35.000	105.000						
495	TRẦN NHẬT GIA HUỶ	7A8	3	35.000	105.000						
496	Võ Khánh Hưng	7A8	3	35.000	105.000						
497	Nguyễn Quỳnh Hương	7A8	3	35.000	105.000						
498	Lưu Hoàng Tuấn Khang	7A8	3	35.000	105.000						
499	Lê Vinh Khang	7A8	3	35.000	105.000						
500	Võ Kim Duy Khoa	7A8	4	35.000	140.000						
501	Đỗ Hoàng Anh Khôi	7A8	5	35.000	175.000						
502	Lê Vinh Khôi	7A8	3	35.000	105.000						
503	Trần Hoàng Lâm	7A8	3	35.000	105.000						
504	Lê Nguyễn Thực Linh	7A8	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
505	Nguyễn Lê Nhật Long	7A8	3	35.000	105.000						
506	MÀC MINH LONG	7A8	3	35.000	105.000						
507	Đình Minh Mẫn	7A8	3	35.000	105.000						
508	Lưu Đình Nhật Minh	7A8	5	35.000	175.000						
509	Nguyễn Trần Nhật Minh	7A8	3	35.000	105.000						
510	Trình Hoàng Nam	7A8	3	35.000	105.000						
511	Lương Nguyễn Bảo Nam	7A8	3	35.000	105.000						
512	Vũ Hoàng Kim Ngân	7A8	3	35.000	105.000						
513	ĐÔNG NGỌC KHÁNH NHI	7A8	3	35.000	105.000						
514	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	7A8	3	35.000	105.000						
515	Phạm Vũ Tinh Như	7A8	3	35.000	105.000						
516	Nguyễn Đình Phú	7A8	8	35.000	280.000						
517	ĐÀO XUÂN PHƯỚC	7A8	3	35.000	105.000						
518	Phạm Thị Mai Phương	7A8	3	35.000	105.000						
519	Huyền Đức Lê Quân	7A8	3	35.000	105.000						
520	Nguyễn Lưu Minh Quân	7A8	3	35.000	105.000						
521	Nguyễn Duy Thành	7A8	3	35.000	105.000						
522	Đào Tấn Thành	7A8	3	35.000	105.000						
523	Nguyễn Hoàng Thiên	7A8	3	35.000	105.000						
524	LÊ ĐỨC THỊNH	7A8	3	35.000	105.000						
525	Phạm Ngọc Hương Thủy	7A8	3	35.000	105.000						
526	Lê Bùi Anh Thư	7A8	3	35.000	105.000						
527	Trương Ngọc Minh Thư	7A8	4	35.000	140.000						
528	Trần Phan Thủy Tiên	7A8	3	35.000	105.000						
529	Nguyễn Trần Cẩm Tiên	7A8	4	35.000	140.000						
530	Bùi Minh Tiến	7A8	3	35.000	105.000						
531	Huyền Ngọc Trang	7A8	3	35.000	105.000						
532	Nguyễn Trần Phương Trang	7A8	3	35.000	105.000						
533	Phạm Hoàng Trâm Anh	7A9	3	35.000	105.000						
534	Phan Anh	7A9	4	35.000	140.000						
535	Dương Nguyễn Hoàng Bách	7A9	3	35.000	105.000						
536	VÕ HUYỀNH NGỌC BẢO	7A9	3	35.000	105.000						
537	Đỗ Ngọc Bảo	7A9	3	35.000	105.000						
538	Ngô Ngọc Bảo Châu	7A9	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
539	Vũ Ngọc Bảo Châu	7A9	3	35.000	105.000						
540	Nguyễn Thành Danh	7A9	3	35.000	105.000						
541	Nguyễn Minh Đức	7A9	3	35.000	105.000						
542	Nguyễn Hồng Hạnh	7A9	4	35.000	140.000						
543	Nguyễn Bảo Hân	7A9	3	35.000	105.000						
544	Đào Duy Đức Huy	7A9	3	35.000	105.000						
545	Nguyễn Phúc Quý Khải	7A9	3	35.000	105.000						
546	Đoàn Duy Khang	7A9	3	35.000	105.000						
547	Bùi Minh Khang	7A9	3	35.000	105.000						
548	Lê Ngọc Bảo Khang	7A9	3	35.000	105.000						
549	Vũ Anh Khải	7A9	3	35.000	105.000						
550	Phan Hữu Kiệt	7A9	3	35.000	105.000						
551	Nguyễn Phương Linh	7A9	10	35.000	350.000						
552	Trần Hoàng Long	7A9	4	35.000	140.000						
553	NGUYỄN PHI LONG	7A9	3	35.000	105.000						
554	Lê Nguyễn Tấn Lộc	7A9	6	35.000	210.000						
555	Võ Thành Lộc	7A9	3	35.000	105.000						
556	Đào Ngọc Uyên Mì	7A9	3	35.000	105.000						
557	Trương Ngọc Phương Nghi	7A9	3	35.000	105.000						
558	Trần Mai Bảo Ngọc	7A9	3	35.000	105.000						
559	Hồ Minh Nhật	7A9	3	35.000	105.000						
560	Lê Phan	7A9	3	35.000	105.000						
561	Nguyễn Hữu Thanh Phát	7A9	6	35.000	210.000						
562	Mai Tiến Phát	7A9	3	35.000	105.000						
563	Phạm Đình Thanh Phong	7A9	4	35.000	140.000						
564	Trần Nguyễn Thủy Phương	7A9	3	35.000	105.000						
565	Nguyễn Thảo Phương	7A9	3	35.000	105.000						
566	Lô Võ Tiến Quân	7A9	3	35.000	105.000						
567	Lương Huy Quý	7A9	3	35.000	105.000						
568	Trình Sơn Sang	7A9	3	35.000	105.000						
569	Nguyễn Hữu Thảo	7A9	3	35.000	105.000						
570	Trần Minh Thảo	7A9	3	35.000	105.000						
571	Trần Hoàng Gia Thịnh	7A9	3	35.000	105.000						
572	Lâm Cẩm Tiên	7A9	4	35.000	140.000						
573	Hoàng Võ Quý Trân	7A9	3	35.000	105.000						
574	ĐÀO VŨ MINH TRÍ	7A9	3	35.000	105.000						

STT	Họ và tên Học sinh	Lớp	Số lượng suất cơm không ăn	Đơn giá/suất cơm	Thành tiền	Thông tin người nhận	Địa chỉ	Số điện thoại	Mối quan hệ	Ký nhận	Ghi chú
575	Hoàng Phương Trinh	7A9	3	35.000	105.000						
576	Nguyễn Minh Trường	7A9	4	35.000	140.000						
577	Trịnh Nhã Vy	7A9	3	35.000	105.000						
TỔNG CỘNG					64.435.000						

Tổng cộng số tiền bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng/.

Người lập



Huỳnh Thị Thanh Hạnh

Thủ quỹ

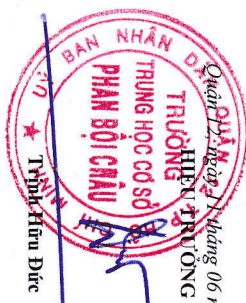


Huỳnh Thị Thanh Hạnh

Kế toán



Bùi Thị Nương



Quản lý tài khoản Ngân hàng 06 năm 2025

Trần Hữu Đức